

Bản án số: 07/2021/HNGĐ - ST

Ngày 26 - 02 - 2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm.  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lã Ngọc Tường.  
Ông Lê Văn Hiền.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2020/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 702/2020/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/2021/TB - TA ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Chu Thanh Q, sinh năm 1980.

ĐKKHKT: Số a, Tổ a1, phố ST, phường TS, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Chị Hà L H, sinh năm 1980.

ĐKKHKT: Số a, Tổ a1, phố ST, phường TS, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xã ST, huyện CK, tỉnh Phú Thọ.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1975

ĐKKHKT: Khu QT, phường GC, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

*(Theo văn bản cử người tham gia tố tụng số 169/CV- CCTHADS ngày 16 tháng 12 năm 2020)*

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971.

ĐKKHKT: Khu a2 (Khu XD), Xã ST, huyện CK, tỉnh Phú Thọ.

*(Ông Th ủy quyền cho bà L theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2020)*

*(Anh Q, chị H có mặt, bà Hà, ông Th, bà L có đơn xin xử vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - Anh Chu Thanh Q trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Hà L H có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2007 tại trụ sở UBND phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh Q và chị H chung sống ở nhà bố mẹ đẻ anh Q tại địa chỉ: Số a, Tổ a1, phố ST, phường TS, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình vợ chồng chung sống do anh có những mối quan hệ ngoài xã hội và chị H cũng có những mối quan hệ nam nữ nên xảy ra cãi vã rồi xô xát. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh Q xin được ly hôn với chị H.

*Về con chung:* Anh Chu Thanh Q xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Chu Gia M, sinh ngày 16/1/2010 và cháu Chu Hà BT, sinh ngày 10/10/2012.

Tại đơn khởi kiện anh Chu Thanh Q xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Chu Thanh Q có quan điểm khi ly hôn anh Q nhất trí giao con chung là cháu M, cháu Thy cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng )/2 cháu/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Tại phiên tòa anh Q thay đổi quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Gia M và nhất trí giao cháu Chu Hà BT cho chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Anh Q trình bày có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là cháu Chu Gia M do anh nhận thấy bị ngăn cản quyền được thăm nom con chung, chị H đang giáo dục con chung có suy nghĩ xấu về anh, nếu cứ tiếp tục để chị H nuôi dưỡng cả 2 con chung thì tương lai sau này anh sẽ mất đi tình cảm của con.

Ngày 24/2/2021 anh Chu Thanh Q giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng M về các điều kiện của anh có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, các tập tin nhắn in từ tin nhắn điện thoại và facebook để chứng M cho yêu cầu của mình.

*Về tài sản chung:* Anh Chu Thanh Q xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh Chu Thanh Q trình bày: Ngày 20/8/2015 vợ chồng anh có vay của vợ chồng anh Nguyễn Văn Th - sinh năm 1971 và chị Trần Thị L - sinh năm 1973 ở địa chỉ: Khu xóm Độc, Xã ST, huyện CK, tỉnh Phú Thọ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 1%/ tháng để kinh doanh, vợ chồng anh đã trả tiền lãi đến tháng 9/2020, còn tiền gốc vợ chồng anh vẫn chưa trả được cho vợ chồng anh chị L Th. Nay vợ chồng anh ly hôn, về khoản nợ này anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về công sức đóng góp gia đình:* Anh Q xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan là Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Th (anh Th ủy quyền cho chị L) có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm lưu trong hồ sơ như sau:* Vợ chồng anh chị với chị Hà L H và anh Chu Thanh Q có mối quan hệ cùng xã với nhau. Ngày 20/8/2015 chị H và anh Q có đến vay của anh chị số tiền gốc là 50.000.000đ, mục đích vay là kinh doanh với lãi suất là 1%/tháng, khi nhận tiền thì có mặt cả anh Q, chị H và anh chị Q H cùng ký vào giấy vay tiền, kể từ khi vay tiền đến nay anh chị Q H vẫn trả lãi hàng tháng đến tháng 9/2020. Số tiền gốc 50.000.000đ anh chị Q H vẫn chưa trả được cho anh chị. Nay anh chị Q H ly hôn chị đề nghị Tòa án buộc anh Q, chị H có nghĩa vụ trả nợ cho anh chị số tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận từ tháng 9/2020 đến nay.

- *Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, người đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có quan điểm như sau::*

Hiện nay Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì đang thi hành 2 quyết định. Cụ thể:

1.QĐ số 167 ngày 6/3/2019 với nội dung: Buộc bà Hà L H, ông Chu Thanh Q phải nộp: 3.523.695đ án phí dân sự sơ thẩm.

2.QĐ số 22 ngày 13/3/2019 với nội dung: Buộc bà Hà L H và anh Chu Thanh Q phải nộp: 10.615.610đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết thi hành án từ tháng 9/2019 đến nay bà H, ông Q chưa nộp số tiền trên.

Nay anh chị Q H làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, nếu có quyết định hoặc bản án ly hôn của Tòa án, đề nghị tuyên rõ trong quyết định phân án phí phải chịu của mỗi người để thuận lợi cho việc chủ động thi hành án.

***Bị đơn là chị Hà L H trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị nhất trí với trình bày của anh Q về việc kết hôn, việc tự do tìm hiểu trong hôn nhân, còn nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do mâu thuẫn về kinh tế, vì anh Q ngoại tình. Nay anh Q xin ly hôn chị H nhất trí.

*Về con chung:* Chị Hà L H xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Chu Gia M, sinh ngày 16/1/2010 và cháu Chu Hà BT, sinh ngày 10/10/2012.

Về việc anh Q có nguyện vọng nuôi một con chung là cháu Chu Gia M chị H không nhất trí vì các lý do sau: Anh Q không có việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh. Mặt khác nguyện vọng của cháu Chu Gia M và cháu Chu Hà BT là xin được ở với chị.

Tại phiên tòa chị giao nộp cho Tòa án bản tự khai ghi nguyện vọng của cháu Chu Gia M là xin được tiếp tục ở với mẹ. Hai con chung đang ở cùng với chị ở nhà riêng tại Sơn Tình, Cẩm Khê, Phú Thọ, chị cũng không ngăn cản việc thăm nom con chung như lời trình bày của anh Q.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Hà L H đề nghị anh Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 3.000.000đ (Ba triệu đồng )/2 cháu/tháng. Tại phiên tòa chị chỉ đề nghị anh Q

phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 2.000.000đ (Hai triệu đồng )/2 cháu/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng

*Về nợ chung:* Chị H trình bày: Nhất trí với trình bày của anh Q về khoản nợ chung 50.000.000đ đối với anh chị L Th ở khu xóm Độc, Xã ST, huyện CK, tỉnh Phú Thọ, và tiền lãi chưa trả từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Chị H có quan điểm số tiền gốc 50.000.000đ mỗi người chịu một nửa là 25.000.000đ, còn tiền lãi từ tháng 9/2020 đến thời điểm xét xử chị H tự nguyện chịu thay anh Q. Chị H nhất trí số tiền lãi của 50.000.000đ tính từ tháng 9/2020 đến ngày 26/2/2021 (ngày xét xử) là 6 tháng với lãi suất 1%/tháng, số tiền lãi làm tròn là 3.000.000đ.

*\*Về yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, anh Chu Thanh Q và chị Hà L H thống nhất trình bày:*

Anh chị nhất trí với trình bày của đại diện Chi cục Thi hành án Việt Trì về khoản án phí tại 2 quyết định thi hành án hai anh chị phải thi hành, anh Q chị H thống nhất thỏa thuận: Do chị H hoàn cảnh đang khó khăn, lương giáo viên thấp lại đang thế chấp tại Ngân hàng Hợp tác xã chi nhánh Cẩm Khê nên chị H sẽ chịu một phần án phí của bản án số 43 là 3.523.695 tương đương với số tiền là: 1.000.000đ, chịu một phần án phí của bản án số 06 là 10.615.610đ tương đương là 2.000.000đ. Tổng án phí của hai bản án chị H sẽ chịu là 3.000.000đ, còn lại anh Q sẽ chịu toàn bộ án phí còn lại của 02 bản án.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Hà L H còn đề nghị Tòa án buộc anh Chu Thanh Q phải thanh toán lại cho chị số tiền 126.660.000, là tiền thời gian trước chị phải trả thay anh Q trong khoản nợ 400.000.000đ hai vợ chồng chị ký hợp đồng tín dụng vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương.

Chị H còn đề nghị anh Q phải trả cho chị một phần nhỏ tiền là 18.000.000đồng trong số tiền chị xây dựng một phòng mới ở tầng 2, xây mới nhà vệ sinh ở tầng 2 tại ngôi nhà ở số 4, tổ 9B, phố Sông Thao, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa chị Hà L H xin rút hai yêu cầu này đối với anh Chu Thanh Q. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của chị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của chị Hà L H.

#### **Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 37, 51, 55, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 357, 466, 468, 469 Bộ Luật Dân sự, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Chu Thanh Q và chị Hà L H.

+ Về con chung: Giao cháu Chu Gia M cho anh Chu Thanh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Chu Hà BT cho chị Hà L H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về nợ chung: - Anh Q và chị H mỗi bên phải trả 25.000.000đ nợ gốc và tiền lãi 1%/tháng theo thỏa thuận kể từ ngày xét xử cho ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị L.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi xuất đã thỏa thuận và lãi xuất chậm trả theo quy định.

+ Đối với nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm tại hai bản án số 43/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 và bản án số 06/2018/KDTM - ST ngày 28/11/2018: Anh Q và chị H có trách nhiệm nộp án phí mỗi bên phải chịu  $\frac{1}{2}$ : Đối với bản án số 43/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 là 3.523.695đ; Đối với bản án số 06/2018/KDTM –ST ngày 28/11/2018 là 10.615.610đ

+ Án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] VÒ trình tù thĩ tộc tè tông:

-Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Chu Thanh Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với chị Hà L H, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Thanh Q và chị Hà L H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Anh Q có yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý ly hôn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Chu Thanh Q và chị Hà L H thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Gia M, sinh ngày 16/1/2010 và cháu Chu Hà BT, sinh ngày 10/10/2012.

Tại đơn khởi kiện anh Q có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 1 con chung, trong quá trình giải quyết vụ án anh Q nhất trí giao hai con chung cho chị Hà L H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa anh Q có

nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 1 con chung là cháu Chu Gia M và nhất trí giao cháu Chu Hà BT cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng nhau. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom con chung.

Hội đồng xét xử xét nguyện vọng của anh Chu Thanh Q xin được nuôi dưỡng một con chung là cháu lớn Gia M phù hợp với thuận tình của đạo làm cha mẹ, anh Q có đủ điều kiện để có thể nuôi dưỡng con chung như có chỗ ở ổn định, có thu nhập, sức khỏe bình thường, có thể đảm bảo được nhu cầu thiết yếu khi trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc chị H có nguyện vọng xin được nuôi 2 con chung cũng là yêu cầu chính đáng. Nhưng quyền làm cha, làm mẹ là như nhau, việc để chị H nuôi dưỡng cả 2 con chung sẽ khó có thể đảm bảo về điều kiện vật chất cho các con. Việc chị H cho rằng nguyện vọng của hai con chung là được tiếp tục ở với mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của con chỉ là quan điểm để xem xét thêm, các cháu còn nhỏ chưa thể đưa ra định hướng tốt nhất cho tương lai, mà phải dựa trên nền tảng là cha mẹ để nuôi dưỡng các cháu trưởng thành để quyết định.

Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Gia M cho anh Q là người được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bảo Thy cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

*Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau.

*Về nợ chung:*

+ Đối với số tiền gốc 50.000.000đ là nợ chung của anh chị Q H đối với anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 và chị Trần Thị L, sinh năm 1973, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Q chị H, sau khi ly hôn mỗi người phải trả 25.000.000đ tiền gốc cho anh chị L H.

+ Đối với khoản tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000đ từ tháng 9/2020 đến tháng 2/2021 với lãi suất 1%/tháng là:  $50.000.000đ \times 1\% \text{ tháng} \times 6 \text{ tháng} = 3.000.000đ$  (Hai triệu đồng) ( số tiền làm tròn) chị H tự nguyện chịu thay anh Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với khoản tiền án phí theo 2 quyết định chủ động thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì:

1. Quyết định số 167 ngày 6/3/2019 với nội dung: Buộc bà Hà L H, ông Chu Thanh Q phải nộp: 3.523.695đ án phí dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định số 22 ngày 13/3/2019 với nội dung: Buộc bà Hà L H và anh Chu Thanh Q phải nộp: 10.615.610đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án anh chị Q H thống nhất tự thỏa thuận như sau:

Anh chị nhất trí với trình bày của đại diện Chi cục Thi hành án Việt Trì về khoản án phí của 02 quyết định thi hành án chủ động mà hai anh chị phải thi hành, anh Q chị H thống nhất thỏa thuận: Do chị H hoàn cảnh đang khó khăn, lương giáo viên thấp lại đang thế chấp tại Phòng giao dịch số 03 - Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam Chi nhánh Phú Thọ nên chị H sẽ chịu một phần án phí của

quyết định số 167 ngày 6/3/2019 là 3.523.695 tương đương với số tiền là: 1.000.000đ, chịu một phần án phí của quyết định số 22 ngày 13/3/2019 là 10.615.610đ tương đương là 2.000.000đ. Tổng án phí của quyết định H sẽ chịu là 3.000.000đ, còn lại anh Q sẽ chịu toàn bộ án phí còn lại của 02 quyết định trên.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận này là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên không chấp nhận, án phí của hai bản án này sẽ chia kỷ phần bằng nhau như sau: Phần án phí của quyết định số 167 ngày 6/3/2019 là 3.523.695, kỷ phần anh Q phải nộp là: 1.761.847đ, kỷ phần của chị H là: 1.761.847đ, án phí của quyết định số 22 ngày 13/3/2019 là 10.615.610đ kỷ phần anh Q phải nộp là: 5.307.805 đ , kỷ phần của chị H là: 5.307.805 đ. Tổng cộng cả hai quyết định như sau: Anh Chu Thanh Q và chị Hà L H mỗi người phải nộp: 7.069.652đ. Xác nhận ngày 04 tháng 01 năm 2021 chị H đã nộp số tiền 3.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0007777 ngày 04/01/2021 tại chi Cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, chị H còn phải nộp: 4.069.452 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Hà L H còn đề nghị Tòa án buộc anh Chu Thanh Q phải thanh toán lại cho chị số tiền 126.660.000, là tiền thời gian trước chị phải trả thay anh Q trong khoản nợ 400.000.000đ hai vợ chồng chị ký hợp đồng tín dụng vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương.

Chị H còn đề nghị anh Q phải trả cho chị một phần nhỏ tiền là 18.000.000đồng trong số tiền chị xây dựng một phòng mới ở tầng 2, xây mới nhà vệ sinh ở tầng 2 tại ngôi nhà ở số 4, tổ 9B, phố Sông Thao, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa chị Hà L H xin rút hai yêu cầu này đối với anh Chu Thanh Q. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của chị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của chị H.

*Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án

Do các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ chung đối với số tiền 50.000.000đ trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Chu Thanh Q phải chịu 30.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 625.000đ án phí của số tiền 25.000.000đ trả cho anh chị L Th. Tổng cộng là 925.000đ được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000968 ngày 19/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Anh Chu Thanh Q còn phải nộp thêm 625.000 đồng.

Bị đơn chị Hà L H phải chịu 700.000đ án phí của số tiền 28.000.000đ (trong đó 25 triệu tiền gốc và 3 triệu tiền lãi) trả cho anh chị L Th.

[3] Từ những phân tích và nhận định, đánh giá như trên, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều a khoản 1 Điều 35; Điều b khoản 1 Điều 39; khoản 3, khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Chu Thanh Q và chị Hà L H

2. *Về con chung*: Anh Chu Thanh Q và chị Hà L H thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Gia M, sinh ngày 16/1/2010 và cháu Chu Hà BT, sinh ngày 10/10/2012.

Giao cháu Chu Gia M cho anh Chu Thanh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao cháu Chu Hà BT cho chị Hà L H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom con chung.

3. *Về tài sản chung*: Anh Chu Thanh Q và chị Hà L H thống nhất xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Chu Thanh Q và chị Hà L H về việc trả nợ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị L.

- Anh Chu Thanh Q phải trả 25.000.000đ nợ gốc và tiền lãi 1%/tháng theo thỏa thuận kể từ ngày xét xử cho ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị L.

- Chị Hà L H phải trả 25.000.000đ nợ gốc và tiền lãi 1%/tháng theo thỏa thuận kể từ ngày xét xử cho ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị L.

+ Đối với khoản tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000đ từ tháng 9/2020 đến tháng 2/2021, chị Hà L H tự nguyện trả thay anh Chu Thanh Q nên chị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị L số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi xuất đã thỏa thuận và lãi xuất chậm trả theo quy định.



5. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của chị Hà L H đề nghị buộc anh Chu Thanh Q phải thanh toán lại cho chị số tiền 144.660.000đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). (Bao gồm số tiền 126.660.000 đồng + 18.000.000 đồng)

\* Đối với nghĩa vụ chịu án phí tại hai quyết định chủ động thi hành án số 167 ngày 6/3/2019 là 3.523.695đ; quyết định chủ động thi hành án số 22 ngày 13/3/2019 là 10.615.610đ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, anh Chu Thanh Q và chị Hà L H có trách nhiệm mỗi bên phải chịu  $\frac{1}{2}$  án phí. Tổng cộng anh Q phải chịu: 7.069.652 đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng). Chị H phải chịu 7.069.652 đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng). Xác nhận chị H đã nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0007777 ngày 04/01/2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, chị H còn phải nộp số tiền: 4.069.652 đồng ( Bốn triệu không trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng)

6. Về án phí: Nguyên đơn anh Chu Thanh Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 625.000đ án phí của số tiền 25.000.000đ trả cho anh chị L Th. Tổng cộng là 925.000đ được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000968 ngày 19/6/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Anh Chu Thanh Q còn phải nộp thêm 625.000 đồng.

Bị đơn chị Hà L H phải chịu 700.000đ án phí của số tiền 28.000.000đ (trong đó 25 triệu tiền gốc và 3 triệu tiền lãi) trả cho anh chị L Th.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố, tỉnh;
- Chi cục thi hành án TP Việt Trì;
- Các đương sự;
- UBND phường Thọ Sơn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục THA thành phố Việt Trì.
- Lưu hồ sơ vụ án;

**Nguyễn Thị Thơm**

